

Tháp Mười, ngày 05 tháng 8 năm 2024

Số: /BVTM
V/v thông báo mời chào giá
Mua sắm vải trang phục y tế năm 2024

Kính gửi: Các Công ty, hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: mua sắm vải trang phục y tế năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười, địa chỉ: Số 138, đường Hùng Vương, khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông Trần Minh Khoa, Trưởng phòng Hành chính Quản trị, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười.

- Điện thoại: 02773940961; 0916353325

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười, địa chỉ: Số 138, đường Hùng Vương, khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h 00 phút ngày 06 tháng 8 năm 2024 đến trước 17h 00 phút ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2024.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hoá yêu cầu báo giá

TT	TÊN SẢN PHẨM	Kích cỡ	Màu sắc	Chất liệu vải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vải áo nhân viên hành chính- thu ngân (Nam)	Khổ vải 1.2m định mức: 1,8m/xấp	Màu sáng, nhạt	Kate	Xấp	79		
2	Vải quần hành chính, thu ngân (Nam)	Khổ vải 1.6m định mức: 1,1m/xấp	Màu sậm	Kaki không thun	Xấp	79		
3	Vải áo nhân viên hành chính; thu ngân(Nữ)	Khổ vải 1.2m định mức: 1,5m/xấp	Màu sáng, nhạt	Kate	Xấp	80		

TT	TÊN SẢN PHẨM	Kích cỡ	Màu sắc	Chất liệu vải	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Vải quần nhân viên hành chính; thu ngân(Nữ)	Khổ vải 1.6m định mức: 1,1m/xấp	Màu sậm	Kaki thun	Xấp	80		
5	Vải áo bảo vệ; tài xế	Khổ vải 1.6m định mức: 1,5m/xấp	xanh hòa bình(đậm)	Kate ford	Xấp	40		
6	Vải áo Thiết bị; Điện nước	Khổ vải 1.6m định mức: 1,5m/xấp	xanh đen	Kate ford	Xấp	20		
7	Vải quần (Nam) bảo vệ, bảo trì; điện nước, tài xế	Khổ vải 1.6m định mức: 1,1m/xấp	Xanh đen	Kaki không thun	Xấp	60		
8	Vải áo chuyên môn (Nam trình độ Đại học trở lên)	Khổ vải 1.8m định mức: 1,1m/xấp	Trắng	Kate	Xấp	181		
9	Vải Áo chuyên môn (Nữ trình độ Đại học trở lên)	Khổ vải 1.6m định mức: 1,8m/xấp	Trắng	Kate	Xấp	182		
10	Vải áo chuyên môn Nam (Trung cấp, Cao đẳng)	Khổ vải 1.6m định mức: 1,5m/xấp	Trắng	Kate	Xấp	104		
11	Vải áo chuyên môn Nữ (Trung cấp, Cao đẳng)	Khổ vải 1.6m định mức: 1,5m/xấp	Trắng	Kate	Xấp	374		
12	Vải quần chuyên môn	Khổ vải 1.6m định mức: 1,1m/xấp	Trắng	Kaki thun	Xấp	841		
13	Vải trang phục hộ lý (vải quần + vải áo)	Khổ vải 1.6m định mức: 2,3m/xấp	xanh hòa bình	Kate	Bộ	28		

2. Yêu cầu về chất lượng vải: Nhà thầu cung cấp phiếu kiểm nghiệm của các Trung tâm thí nghiệm thuộc phân viện dệt may tại Việt Nam phải đạt tiêu chuẩn theo phương pháp thử nghiệm của loại vải chính như sau:

STT	Loại vải	Nội dung yêu cầu	Kết quả yêu cầu	Sai số cho phép
1	Kate mỹ màu trắng (áo chuyên môn)	Khối lượng vải (g/m ²)	107	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc: 368 ±1 Ngang: 300 ±1	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc: 1055/S ±1 Ngang: sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -1.7; Ngang -0.2	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
2	Kate mỹ màu sáng, nhạt (áo hành chính)	Khối lượng vải (g/m ²)	107	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc: 368 Ngang: 300	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc: 1055/S Ngang: sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -1.7; Ngang -0.2	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
3	Kate xanh hòa bình (Hộ lý)	Khối lượng vải (g/m ²)	117	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc 328; Ngang 285	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc sợi Filament, không có xoắn; Ngang sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -1.6 ; Ngang -0.1	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
4	Kaki	Khối lượng vải (g/m ²)	258	±5

	không thun màu xanh đen (quần hành chính nam)	Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc 397; Ngang 292	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc 852/S; Ngang sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -0.6; Ngang -0.6	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
5	Kaki thun màu đen (quần hành chính nữ)	Khối lượng vải (g/m ²)	240	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc 488; Ngang 355	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc 1008/Z; Ngang sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -1.9; Ngang -0.3	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
6	Kate ford xanh hòa bình đậm (áo bảo vệ, tài xế)	Khối lượng vải (g/m ²)	148	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc: 250 Ngang: 266	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc: 894/S Ngang: 882/S	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc: -1.9 Ngang: -2.2	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
7	Kate ford xanh đen (áo Điện nước)	Khối lượng vải (g/m ²)	137	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc: 250 Ngang: 256	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc: 862/S Ngang: 858/S	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc: -1.8 Ngang: -1.8	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde	Không phát hiện	

		(mg/kg)		
8	Kaki không thun xanh đen (quần Điện nước)	Khối lượng vải (g/m ²)	258	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc 397; Ngang 292	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc 852/S ; Ngang sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -0.6 ; Ngang -0.6	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	
9	Kaki thun trắng (quần chuyên môn)	Khối lượng vải (g/m ²)	238	±5
		Mật độ vải (sợi/10cm)	Dọc 455; Ngang 335	±5
		Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m)	Dọc 845/S; Ngang sợi Filament, không có xoắn	±5
		Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%)	Dọc -0.7; Ngang -0.7	±0.1
		Độ bền màu khi giặt ở 40 ⁰ C (mức)	4-5	
		Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)	Không phát hiện	

3. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười, địa chỉ: Số 138, đường Hùng Vương, khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các thông tin khác: Mẫu báo giá vui lòng làm đúng theo mẫu đính kèm.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười kính mời Quý công ty, đơn vị quan tâm và vui lòng gửi báo giá trong thời gian nêu trên.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Ngọc Diệp

MẪU BÁO GIÁ

Tên đơn vị báo giá.....

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho hàng hoá và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả hàng hoá	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1										
2										
n										
	Tổng cộng:									
Số tiền bằng chữ:.....										

(Gửi kèm các tài liệu Phiếu kiểm nghiệm để chứng minh về thông số kỹ thuật)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày 06 tháng 08 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)